

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 7 năm 2021

V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Định.

Ông Đào Xuân Thịnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/01/2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1993(vắng mặt).

Địa chỉ : Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ : Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/01/2021, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh H kết hôn ngày 17/02/2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Giang, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh H và gia đình anh H ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc

hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H ham chơi, không chịu tu chí làm ăn, chăm lo cho vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, luôn căng thẳng và không có hạnh phúc nên đến tháng 2/2020 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, từ đó đến nay chị không quay lại chung sống cùng anh H nữa. Từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ đến nay, gia đình đôi bên và anh H không có dàn xếp, giải hòa gì, không ai gọi chị quay về chung sống cùng anh H. Chị và anh H sống ly thân từ tháng 2/2020 đến nay. Trong quá trình Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh H thì khoảng tháng 2/2021 anh H cũng có lên nhà bố mẹ đẻ chị gọi chị về nhưng chị không về vì chị xác định không thể đoàn tụ được với anh H.

Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ái N, sinh ngày 01/12/2017, hiện cháu đang ở cùng chị. Nay, ly hôn chị đề nghị giao con chung Nguyễn Ái N cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có tài sản chung gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị bận công việc, đồng thời chị đã có lời khai đầy đủ và tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án nên chị đề nghị được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh H.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị H kết hôn ngày 17/02/2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Giang, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về làm dâu và chung sống cùng anh và gia đình anh. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc. Khoảng đầu năm 2020 chị H xin phép bố mẹ anh mang con về nhà bố mẹ đẻ chị H ở Thôn V, xã D, huyện Y ở. Lý do là do anh công việc không ổn định, có mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống, không có mâu thuẫn gì lớn. Anh có lên nhà bố mẹ đẻ chị H để gọi chị H về đoàn tụ nhưng chị H chưa đồng ý về. Anh xác định vợ chồng chưa có mâu thuẫn gì lớn, anh vẫn còn tình cảm với chị H, chị H xin ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ái N, sinh ngày 01/12/2017, hiện cháu Nhi đang ở cùng chị H. Anh không đồng ý ly hôn nên anh không có quan điểm gì về nuôi con chung. Tuy nhiên, trong trường hợp phải ly hôn thì anh đề nghị Tòa án cứ căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết về phần nuôi con chung. Hiện tại anh ở nhà phụ giúp công việc gia đình cho bố mẹ, thì thoảng ra đồng bắt tôm, cua cá. Ngoài ra không làm việc gì khác và không có thu nhập nào khác.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có tài sản chung gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tình trạng sức khỏe của anh thì trước khi kết hôn với chị H anh có làm khách sạn hay phải làm ca đêm nên có thời gian mất ngủ. Hiện tại thì sức khỏe anh bình thường, không mất ngủ hay điều trị gì về bệnh mất ngủ cả.

Quá trình giải quyết vụ án thì mẹ anh Nguyễn Văn H là bà Phan Thị Nụ có cung cấp: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn H. Bà xác nhận thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn như anh H chị H trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống chị H anh H không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có mâu thuẫn nhỏ nhất vì công việc của anh H chưa ổn định. Đầu năm 2020 thì chị H có xin phép về nhà bố mẹ đẻ chị H ở thôn Thanh Vân, xã Đức Giang chơi nhưng đến nay vẫn không quay về. Anh H có lên nhà bố mẹ đẻ chị H báo chị H về nhưng chị H không về. Gia đình bà chưa lên giàn xếp gì với gia đình chị H về việc của chị H anh H. Nay, chị H xin ly hôn anh H thì bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ; về con chung: Vợ chồng anh H chị H có 01 con chung là Nguyễn Ái N, sinh ngày 01/12/2017, hiện cháu Nhi đang ở cùng chị H; về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Không có gì.

Hiện tại anh H đang bị rối loạn giấc ngủ, anh H vẫn ngủ được nhưng hay ngủ muộn, ngủ ít, sức khỏe chưa ổn định.

Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn anh H và tiến hành mở phiên họp về việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã giao quyết định xét xử cho anh H, tuy nhiên anh H từ chối nhận, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương. Tại phiên tòa mở ngày 16/7/2021 Tòa án hoãn phiên tòa do anh H vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ nhất không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị H vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh H được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H; biên bản lấy lời khai của chị H, anh H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc công khai trực tiếp bằng lời nói theo Điều 51, 225 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn có thực hiện nhưng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

-Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ái N, sinh ngày 01/12/2017.

Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

-Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí. Chị H đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị H anh H.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn H, anh H có hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu của chị H Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Giang, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang vào ngày 17/02/2017. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H anh H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị H cho rằng khoảng năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H ham chơi, không chịu tu chí làm ăn, chăm lo cho vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, luôn căng thẳng và không có hạnh phúc nên đến tháng 2/2020 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, từ đó đến nay chị và anh H ly thân, chị không quay lại chung sống cùng anh H nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Anh H khai: Khoảng đầu năm 2020 chị H xin phép bố mẹ anh mang con về nhà bố mẹ đẻ chị H ở Thôn V, xã D, huyện Y ở. Lý do là do anh công việc không ổn định, có mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống, không có mâu thuẫn gì lớn. Anh có lên nhà bố mẹ đẻ chị H để gọi chị H về đoàn tụ nhưng chị H chưa đồng ý về. Anh xác định vợ chồng chưa có mâu thuẫn gì lớn, anh vẫn còn tình cảm với chị H, chị H xin ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh H ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó thì có phát sinh mâu thuẫn, chị H cho rằng nguyên nhân là do anh H ham chơi, không chịu tu chí làm ăn, chăm lo cho vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, luôn căng thẳng và không có hạnh phúc. Phía anh H cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh cho rằng đó là mâu thuẫn nhỏ nhặt, không có gì lớn. Tuy nhiên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống từ tháng 2/2020 cho đến nay, anh H cũng đã xuống gọi về nhưng chị nhất quyết không về đoàn tụ. Vợ chồng đã ly thân từ 2/2020 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, không có cơ hội hàn gắn.

Qua xác minh ở địa phương thì thấy chị H và anh H kết hôn năm 2017, sau đó thì chị H về làm dâu sinh sống cùng gia đình chồng, quá trình chung sống địa phương không nắm được chị H anh H có mâu thuẫn hay không nhưng đầu năm 2020 thì thấy chị H bế con về nhà bố mẹ để sinh sống và không và không về ở với anh H nữa. Địa phương đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng Hồng Hùng đoàn tụ, nếu không hòa giải được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc bà Phan Thị Nụ là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn H cung cấp bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ và cho biết hiện tại anh H đang bị rối loạn giấc ngủ, anh H vẫn ngủ được nhưng hay ngủ muộn, ngủ ít, sức khỏe chưa ổn định. Tòa án đã ra quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ về việc mất ngủ của anh H nhưng bà không cung cấp cũng như không có phản hồi gì. Đồng thời anh H trình bày sức khỏe của anh vẫn ổn định, chỉ hay ngủ muộn chứ không mất ngủ, sức khỏe hiện tại bình thường.

Từ những phân tích trên, chứng tỏ hôn nhân giữa chị H anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh H.

[3.2] Về con chung: Chị H anh H có 01 con chung là Nguyễn Ái N, sinh ngày 01/12/2017, hiện cháu đang ở cùng chị H. Ly hôn chị đề nghị giao con chung Nguyễn Ái N cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H không đồng ý ly hôn, tuy nhiên trong trường hợp phải ly hôn anh đề nghị Tòa án căn cứ

theo quy định của pháp luật để giải quyết về nuôi con chung. HĐXX thấy con chung là cháu Nguyễn Ái N hiện đang ở với chị H, đồng thời qua xác minh và chị H cung cấp thì thu nhập của chị là 7000.000 đồng/ tháng, ngoài ra còn thu nhập thêm do bán hàng online nữa. Phía anh H ở nhà phụ giúp công việc gia đình cho bố mẹ, thì thoảng ra đồng bắt tôm, cua cá. Ngoài ra không làm việc gì khác và không có thu nhập nào khác. Vậy, để con chung được phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần. Căn cứ vào khoản 3 điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nhi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị H không đề nghị anh H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi vợ chồng ly hôn, anh H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 Luật hôn nhân gia đình.

[3.3] Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: chị H anh H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,
Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ái N, sinh ngày 01/12/2017.

Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2019/0000029 ngày 11/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Đ, huyện Y;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Anh

